



Words and Idioms 201: Boggle the Mind, Bounce Back

TEXT: TRANG : Huyền Trang và Brandon Garner xin kính chào quý vị thính giả. Trong bài học thành ngữ WORDS AND IDIOMS hôm nay chúng tôi xin đem đến quý vị hai thành ngữ mới. Một có động từ TO BOGGLE nghĩa là kinh ngạc, khó tin, và một có động từ TO BOUNCE nghĩa là nảy lên, bật lên . Brandon xin đọc thành ngữ thứ nhất.

VOICE: BRANDON: The first idiom is BOGGLE THE MIND , BOGGLE THE MIND.

TEXT: TRANG : BOGGLE THE MIND có một từ mới là MIND nghĩa là trí óc, tâm trí. Tính từ là MIND-BOGGLING. Người Mỹ dùng thành ngữ này để chỉ một điều gì hết sức phi thường, phức tạp hay kỳ lạ khiến khó tin được.

Khi nhìn một máy điện toán ngày nay, người ta không thể tưởng tượng là kỹ thuật đã tiến bộ đến mức nào. Một phóng viên viên khoa học tường thuật:

VOICE: BRANDON: Fifty years ago, the fastest computers ever made took up the space of a football field. Their many vacuum tubes and mechanical parts required constant maintenance. Amazingly, the computing devices we now hold in our hands can do so much more in only a fraction of the time. They BOGGLE THE MIND.

TEXT: TRANG : Cách đây 50 năm, các máy điện toán nhanh nhất mà người ta chế tạo được đã chiếm một chỗ to bằng một sân chơi bóng bầu dục. Những ống thủy tinh chân không và các bộ phận máy móc cần phải được bảo trì liên tục. Điều phi thường là các máy tính mà chúng ta cầm gọn trong tay ngày nay lại có thể làm được hơn rất nhiều thứ trong một thời gian rất ngắn. Các máy này quả là tuyệt diệu đến độ khó tưởng tượng được.

MECHANICAL là máy móc, cơ khí , và FRACTION là phân số, một phần nhỏ. Bây giờ xin mời quý vị nghe lại thí dụ này.

VOICE: BRANDON: Fifty years ago, the fastest computers ever made took up the space of a football field. Their many vacuum tubes and mechanical parts required constant maintenance. Amazingly, the computing devices we now hold in our hands can do so much more in only a fraction of the time. They BOGGLE THE MIND.

TEXT: TRANG : Điều khó tin không phải lúc nào cũng là điều tốt . Một nhân viên văn phòng bình phẩm về một đồng nghiệp cũ của anh tên Linda như sau:

VOICE: BRANDON: I was shocked when Linda became my supervisor. She seemed to lack any of the necessary skills to manage employees. Her reports were often inaccurate and she did

nothing to improve productivity. How she ever got her promotion BOGGLES MY MIND. She must have known somebody important at the company.

TEXT: TRANG : Tôi bị sốc khi cô Linda trở thành quản lý của tôi. Dường như cô thiếu những xảo năng cần có để quản lý nhân viên. Các bản phúc trình của cô thường sai lạc , và cô không làm gì cả để tăng năng suất. Làm sao mà cô được thăng chức như vậy là điều kỳ lạ không thể tưởng tượng được. Chắc hẳn cô có quen người nào quan trọng trong công ty.

SKILL là tài năng, xảo năng, INACCURATE là không đúng, sai lạc, và PRODUCTIVITY là năng suất. Bây giờ Brandon xin đọc lại thí dụ này.

VOICE: BRANDON: I was shocked when Linda became my supervisor. She seemed to lack any of the necessary skills to manage employees. Her reports were often inaccurate and she did nothing to improve productivity. How she ever got her promotion BOGGLES MY MIND. She must have known somebody important at the company.

MUSIC BRIDGE

TEXT: TRANG : Tiếp theo đây là thành ngữ thứ hai.

VOICE: BRANDON: The second idiom is BOUNCE BACK, BOUNCE BACK.

TEXT: TRANG : BOUNCE BACK có nghĩa là phục hồi sau khi bị thương tật, đau yếu, tai ương , hay thất bại ; trở lại bình thường sau cơn suy sụp.

Khi bị bệnh, người lớn tuổi thường mất nhiều thì giờ mới phục hồi sức khỏe được. Một thanh niên nói về ông nội của anh như sau:

VOICE : BRANDON: My grandfather came down with the flu. He had a fever that didn't go down for several days. Our family became very worried. Then one morning, he just woke up feeling like himself again. He'd BOUNCED BACK.

TEXT: TRANG : Ông tôi bị bệnh cảm cúm . Cơn sốt của ông không thuyên giảm trong nhiều ngày. Gia đình chúng tôi rất lo lắng. Thế rồi một buổi sáng ông thức dậy và cảm thấy sáng khoái như trước. Thì ra sức khỏe của ông đã hồi phục.

FLU là bệnh cảm cúm, và FEVER là cơn sốt . Bây giờ xin mời quý vị nghe lại thí dụ này.

VOICE : BRANDON: My grandfather came down with the flu. He had a fever that didn't go down for several days. Our family became very worried. Then one morning, he just woke up feeling like himself again. He'd BOUNCED BACK.

TEXT: TRANG: Đôi khi, không phải một bệnh tật hay tai nạn khiến người ta bị suy sụp, mà là vì một vấn đề tình cảm . Tuy nhiên, anh John lại không có phản ứng như vậy. Bạn anh cho biết chi tiết:

VOICE: BRANDON: Some guys have a hard time getting over a break-up with a girlfriend. That's not the case with John. He doesn't get depressed or become withdrawn. In fact, no sooner does he end one relationship than he begins another. He **BOUNCES BACK** quickly.

TEXT: TRANG : Một số thanh niên thường gặp khó khăn khi cố quên vụ chia tay với bạn gái của họ. Nhưng đối với anh John thì không thế. Anh không cảm thấy phiền muộn hay sống thu mình lại. Thật ra khi anh vừa chấm dứt một quan hệ tình cảm thì anh lại bắt đầu ngay một quan hệ khác. Anh phục hồi tinh thần rất nhanh chóng.

BREAK-UP là đoạn tuyệt, chia tay, DEPRESSED là buồn rầu, chán nản, WITHDRAWN là thu mình lại, không giao tiếp với người khác. Bây giờ Brandon xin đọc lại thí dụ này.

VOICE: BRANDON: Some guys have a hard time getting over a break-up with a girlfriend. That's not the case with John. He doesn't get depressed or become withdrawn. In fact, no sooner does he end one relationship than he begins another. He **BOUNCES BACK** quickly.

TEXT:TRANG: Thí dụ vừa rồi đã kết thúc bài học thành ngữ **WORDS AND IDIOMS** hôm nay của đài Tiếng Nói Hoa kỳ. Như vậy là chúng ta vừa học được hai thành ngữ mới. Một là **BOGGLE THE MIND** nghĩa là một điều phi thường hay kỳ lạ, khó tin. Và hai là **BOUNCE BACK** nghĩa là phục hồi sau cơn suy sụp. Huyền Trang và Brandon Garner xin kính chào quý vị thính giả, và xin hẹn gặp lại quý vị trong bài học kế tiếp.